

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

淨土大經解演義

Tập 302

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 25.02.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện _ Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, trang 354, hàng thứ ba từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ ba chữ cuối cùng.

“Thử lục độ nãi Bồ Tát cứu cánh tự tha kiêm lợi chi đại hạnh, năng đáo niết bàn bỉ ngạn. Bồ Tát tự hành thử pháp, diệc dĩ thử giáo đạo lợi ích chúng sanh, cố tục vân giáo hoá an lập chúng sanh”. Chúng ta đọc tiếp mấy câu bên dưới. “Hội Sớ thích viết, dĩ đạo thọ tha vi giáo, chuyển ác thành thiện vi hoá. Dẫn đạo chúng sanh an trú chánh đạo, kiến lập đại tâm, cố vân an lập”.

Chúng ta đọc đến chỗ này. Lục ba la mật là sáu phương pháp tu học, là phương pháp tu học của tất cả Bồ Tát. Các ngài y theo phương pháp này để tu, đồng thời cũng lấy sáu phương pháp này để giáo hoá lợi ích chúng sanh.

Nên trong kinh văn này *“lục độ chi hạnh giáo hoá an lập chúng sanh”*. Lục độ ở trước đã nói rất nhiều. Về sau cũng có rất nhiều chỗ nhắc đến. Ở đây chúng ta đơn giản ôn tập lại một chút. Rất cần như vậy, vì sao? Bởi đây là nòng cốt quan trọng nhất của Bồ Tát hạnh mà chúng ta chưa làm được. Cổ nhân dạy rằng: *“Đọc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến”*. Chúng ta đọc tụng, lắng nghe chắc chắn không đến 1000 lần. Một ngàn lần cũng không gọi là nhiều. Điều này trong Phật pháp gọi là huân tu lâu ngày, chính là nói ý này.

Điều thứ nhất trong lục độ là bố thí. Trong kinh văn nói rất rõ, thường lấy bố thí. Bố thí có ba loại là: tài bố thí, pháp bố thí, vô úy bố thí. Tài bố thí được của cải, của cải có thể nuôi dưỡng thân mạng của chúng ta. Cũng chính là lợi ích về mặt vật chất. Pháp bố thí được trí tuệ, trí tuệ có thể nuôi dưỡng thân huệ mạng của chúng ta, để chúng ta minh tâm kiến tánh. Nói cách khác, đây là lợi ích về mặt tinh thần. Vô úy bố thí là thiện pháp, là việc tốt. Đối xử với tất cả chúng sanh, khi họ đau khổ tận tâm tận lực giúp họ, khiến họ không sợ hãi, bình an vượt qua khó khăn. Như vậy gọi là bố thí vô úy. Đặc biệt là con người trước lúc lâm chung, khi đang chịu sự hành hạ của bệnh khổ. Nếu chúng ta có thể giúp họ, để bệnh khổ của họ được giảm nhẹ. Khiến họ cảm thấy an vui,

cảm thấy an ủi, cảm thấy có người quan tâm nên họ không còn sợ hãi. Cách bố thí này rất quan trọng, gọi là bố thí vô úy.

Ba việc này chính là quả báo, ba quả báo. Người thế gian ai cũng hy vọng đạt được. Hy vọng thì hy vọng, nhưng chưa chắc có thể đạt được. Đây là cầu bất đắc khổ trong bát khổ. Tôi muốn cầu của cải, muốn cầu thông minh trí tuệ, muốn cầu mạnh khỏe sống lâu. Muốn cầu khi về già có nhiều con cháu chăm sóc quan tâm. Đây là đại phước báu!

Phước báo từ đâu mà có? Do tu mà có. Quý vị nên biết, phước báo là quả. Có quả tất phải có nhân. Chúng ta không tu nhân thì làm gì có quả báo?

Người xuất gia thời xưa, vào chùa xuất gia. Trước tiên là dạy họ tu phước. Vì sao? Trong Phật pháp thường nói “pháp luân vị chuyển thực luân tiên”. Nếu trong cuộc sống gặp nhiều khó khăn, ngày không đủ ba bữa cơm. Ngày mai ở đâu còn chưa biết, như vậy làm sao có tâm học đạo? Các bạn đồng học có phước báo, nên thiện hữu mười phương hộ trì. Vì thế quý vị không cần lo lắng những điều này. Phước báo thật sự quá lớn. Phước báo của quý vị lớn hơn tôi rất nhiều.

Có thể nói trước 70 tuổi, đến hơn 70 tuổi tôi mới có một đạo tràng nhỏ. Trước 70 tuổi tôi không biết ngày mai mình ở đâu. Thân tâm con người không nơi nương tựa. Lúc trẻ được coi là rất may mắn, có duyên gặp được cư sĩ Hàn. Chúng tôi ở Đài Bắc kiến lập thư viện_Thư viện Hoa Tạng, Cô ấy làm thủ thư, trông coi đại chúng. Chúng tôi sống nương nhau ba mươi năm. Cô ấy qua đời, chúng tôi lại bắt đầu lưu lạc. Lúc trẻ lưu lạc, cô giữ tôi ở lại nhà cô. Cả nhà họ đối với tôi rất tốt, nhưng tâm chúng tôi lại bất an. Trong đầu chỉ nghĩ đến hôm nay không dám nghĩ đến ngày mai, Ngày mai người ta không vui đuổi tôi đi, như vậy là phải ra đi. Cũng may cô ta chăm sóc tôi ba mươi năm mới có thành tựu ngày hôm nay. Sau khi cô ta qua đời chúng tôi lại bắt đầu lưu lạc.

Thời gian ở Singapore lâu nhất, ba năm rưỡi. Rồi sau đó đến đây. Khi đến đây chính phủ tạo điều kiện ưu ái cho chúng tôi. Đồng ý cho chúng tôi lập đạo tràng ở đây. Đây là nhân duyên hy hữu khó gặp. Đạo tràng chúng tôi ở đây thành lập đã được mười năm rồi. Theo lý mà nói thì mười năm rồi. Nhà nho nói 7 năm tiểu thành, 9 năm đại thành. Tiểu thành là quân tử, đại thành là thánh hiền. Trong Phật pháp tiểu thành là được tam muội. Thực sự người bình thường, người thường thật sự siêng năng thì ba bốn năm sẽ được tam muội. Sáu bảy năm có người khai ngộ. Mười năm tôi tin rằng người khai ngộ không ít. Nhưng chúng ta đã lãng quên nên không thể y giáo phụng hành. Lãng phí thời gian, để 10 năm trôi qua, mà tâm chưa được thanh tịnh, sức khỏe cũng không còn như 10 năm trước nữa. Thân tâm mệt mỏi. Tập niệm, vọng tưởng chẳng những không giảm đi, mà có thể còn tăng thêm.

Chúng ta cũng đang tu hành, đang tu đạo. Nhưng là tu trong luân hồi lục đạo, không phải Bồ Tát hạnh, mà là phàm phu hạnh. Tự mình cần phải biết. Ba loại bố thí của Bồ Tát, chúng ta đang làm nhưng làm chưa đủ. Tài bố thí: mỗi vị đồng tu, nếu thật sự vì chánh pháp cứu trụ, vị hoá độ chúng sanh, thì nên giúp nhân dân nơi thành thị nhỏ này, hướng về luân lý đạo đức. Giúp nhân dân ở đây đoàn kết thành một nhà, tương thân tương ái, sống với nhau hoà đồng, hợp tác qua lại. Thành thị nhỏ này là tấm gương hoà bình cho cả nước và cho cả thế giới. Chúng ta có đang làm không? Có làm, chẳng phải không làm, nhưng công phu chưa đủ. Nguyên nhân chưa đủ là gì? Chúng ta quên là nên bắt đầu làm từ bản thân mình.

Trong mười năm này, chúng tôi một mặt là công việc lợi sanh. Hiệu quả nhất là bữa cơm chay buổi tối hằng tuần của chúng tôi. Việc này ngay từ ngày đầu tiên khai mạc học viện đã bắt đầu. Ngày đầu tiên khai mạc, đến chỗ này cảm thấy rất xa lạ. Chỗ này là khu căn cứ nổi tiếng của đạo Cơ Đốc ở Âu Châu, không có các tôn giáo khác. Phật giáo truyền đến đây, rất nhiều người cảm thấy kinh ngạc. Có nhiều người hỏi tôi, sao thầy dám đến đây. Chúng tôi đưa thiệp mời cư dân quanh hai con đường đó đến tham gia lễ khai mạc của chúng tôi, tiếp nhận buổi tiệc của chúng tôi. Chúng tôi trình bày với họ là tổ chức của chúng ta làm những việc gì. Chúng ta vì sao mà đến đây, mục đích và dụng ý đến đây là gì. Toàn bộ đều trình bày với họ.

Chúng tôi tiếp đãi họ bằng tiệc chay. Họ nghe xong đều rất hoan hỷ. Đương nhiên, “thính kỳ ngôn nhi quan kỳ hành”. Chúng tôi nói rất hay, nhưng có phải làm đúng như vậy hay không? Mười năm nay họ đã tương đối khẳng định, đều có thể sanh tâm hoan hỷ. Nền tảng này làm được coi là không tệ. Sau khi ăn cơm xong, có mấy vị đồng tu đến nói với tôi. Họ nói pháp sư, hoạt động này của quý vị có thể tổ chức nhiều hơn không? Mọi người đều rất thích. Tôi nói được, mọi người đã thích ăn chay như vậy, chúng tôi sẽ đáp ứng cơm chay vào mỗi tối thứ bảy hàng tuần. Bất cứ ai cũng có thể đến đây ăn cơm. Suốt mười năm đều như vậy. Buổi tiệc chay vào tối thứ bảy hàng tuần này, chúng tôi sẽ tổ chức mãi không ngừng. Đã kết nhân duyên rất tốt với dân chúng Đồ Văn Ba.

Sự nghiệp từ thiện ở đây, chúng tôi ủng hộ toàn tâm toàn lực. Điều này mọi người đều nhìn thấy. Nên bây giờ người ở đây rất tán thán chúng tôi, họ nói người trong học viện Tịnh Tông đều là người tốt. Chính phủ ủng hộ chúng tôi, nhân dân cũng ủng hộ chúng tôi, thật hiếm có. Hy vọng 10 năm về sau, không thể sơ suất giống như trước. Mười năm về sau nếu không thể thực hành ba căn bản, không thể thực hành lục hòa kính. Chúng tôi sẽ rất có tội, làm sao xứng đáng với chư Phật Bồ Tát. Làm sao xứng đáng với sự hộ trì của tứ chúng thiện hữu trên toàn thế giới?

Nên nhớ, người xưa có câu rất hay: “Một hạt gạo của thí chủ lớn như núi tu di, đời này không ngộ đạo thì mang lông đội sừng mà trả nợ”. Ngộ đạo của chúng ta chính là

vãng sanh tịnh độ. Trước tiên phải nghĩ kỹ, tâm hành hiện nay của chúng ta, thế giới Cực Lạc có hoan nghênh hay không. Khi đức Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta, ngài nói rất rõ. Trong kinh Di Đà cũng nói, người ở thế giới tây phương Cực Lạc đều là các bậc thượng thiện nhơn câu hội lại một chỗ. Thế giới Cực Lạc vốn là câu lạc bộ của các bậc thượng thiện nhơn. Nếu chúng ta muốn tham gia, thì phải xem chúng ta có đầy đủ điều kiện thượng thiện hay không? Đây là điều mà tất cả các vị đồng học Tịnh độ tông đều phải biết. Nếu tâm hành bất thiện, dù có niệm Phật A Di Đà cũng vô dụng.

Nếu Phật A Di Đà tiếp dẫn chúng ta đến thế giới Cực Lạc, chúng ta làm loạn ở thế giới Cực Lạc, sẽ làm hỗn loạn xã hội của họ. Phật A Di Đà chắc chắn không làm việc như thế. Nên đến thế giới tây phương Cực Lạc đều phải đầy đủ điều kiện thượng thiện. Chúng ta cũng đã thấy có người một đời làm ác, vì sao lúc lâm chung hiện ra đoan tướng tốt như vậy? Bởi họ phù hợp với điều kiện đó. Một đời làm ác nhưng khi lâm chung biết sám hối. Nghiệp chướng đã tiêu trừ và sau đó không còn tạo nữa. Họ chính là bậc thượng thiện nhơn. Họ đã đầy đủ điều kiện của thế giới Cực Lạc. Nên ngày ngày điều quan trọng nhất là vun bồi điều kiện này. Lục ba la mật cũng là giúp chúng ta vun bồi.

Tài bố thí nuôi dưỡng thân, quả báo là dưỡng thân. Pháp bố thí là nuôi dưỡng tâm, được trí tuệ. Bồ úy vô thí là thiện hành, được quả báo là mạnh khoẻ trường thọ. Trong đó mạnh khoẻ trường thọ là quan trọng nhất, khi tuổi già có người phục vụ. Quả báo này là gì? Chúng ta chịu quan tâm đến người già, đồng ý chăm sóc người già. Nhân như thế nào sẽ được quả báo như thế. Nếu chúng ta hiềm ghét và ruồng bỏ người già, đến khi mình già con cháu sẽ ghét mình, đều ruồng bỏ mình. Đó là quả báo hiện tiền. Đến lúc đó tâm cứ bất bình, suốt ngày cư sầu bi khổ não. Như vậy chúng ta lại lưu chuyển trong luân hồi lục đạo. Niệm Phật cầu sanh tịnh độ cũng không thể mãn nguyện. Cần phải hiểu rõ về nhân quả báo ứng.

Học viện chúng ta giúp bệnh viện Đồ Văn Ba mỗi tháng một vạn tiền thuốc. Một năm 12 vạn, không thiếu năm nào. Trung tâm an dưỡng của Cơ Đốc giáo, họ tương đối khó khăn chúng tôi cũng giúp đỡ, kinh phí cũng mỗi tháng một vạn. Một năm 12 vạn. 20 vạn này đều là bố thí vô úy. Quan tâm người bệnh, quan tâm người bệnh nặng sắp vãng sanh. Điều mà chúng tôi thiếu đối với một số người già là chúng tôi không thể quan tâm đến họ được. Chúng tôi rất muốn lập viện dưỡng lão. Sự nghiệp phúc lợi cho người già, chúng tôi xưa nay rất quan tâm. Mỗi khu vực, mỗi quốc gia trên toàn thế giới chúng tôi đều tham quan khảo sát tỷ mỉ.

Phúc lợi của người già ở Âu Châu, so với các khu vực khác trên toàn thế giới thì Âu Châu làm tốt nhất. Điều kiện tiên quyết của Âu Châu là đất rộng người thưa, nên hoàn cảnh cư trú tốt nhất. Nhưng nó thiếu đi cuộc sống tinh thần, thiếu đi sự ấm áp. Người Âu Châu rất tuân thủ pháp luật, điều này đáng được tuyên dương. Pháp luật nếu thêm lễ kính vào, như vậy sẽ rất hoàn mỹ. Hợp tình, hợp lý, hợp pháp. Những năm cuối

của người già, đó là thời gian hạnh phúc nhất trong cuộc đời họ. Chúng tôi đã suy nghĩ rất nhiều năm, luôn hy vọng có thể thực hiện được sự nghiệp này. Phật pháp thường nói, tất cả pháp từ tâm tướng sanh. Chỉ cần chúng ta không bỏ ý niệm này thì tâm tướng sự thành. Hy vọng có ngày sự việc này thật sự thành tựu.

Chúng tôi không có năng lực lập viện dưỡng lão với mô hình lớn, chỉ làm với quy mô nhỏ. Khoảng hai mươi người, năm mươi người. Viện dưỡng lão của họ ở đến mấy trăm người, chúng ta không có năng lực đó. Chúng ta lập một viện dưỡng lão ba đến năm mươi người ở. Làm cho tốt, làm thành một viện dưỡng lão điển hình. Chúng tôi tham quan trung tâm quan hoài của Cơ Đốc giáo _Trung tâm quan hoài lâm chung. Họ chỉ có sáu phòng, đồng thời chỉ có thể chăm sóc được sáu người. Khi tôi đến tham quan họ nói, người ở thời gian dài nhất là ba tháng. Có người ở một tuần là đi, hai ba tuần đi cũng có. Ở đây chỉ có sáu phòng. Họ chuyên môn làm việc an ủi người già sắp lâm chung, khiến họ trước lúc lâm chung tâm tình an vui, có thể cảm thấy ấm áp. Điều này trong Phật pháp nói là khi lâm mạng chung không có sợ hãi, không có âu lo, không có vương mắc, không có phiền não. Chắc chắn được vào nơi an lành, không bị đọa vào ba đường ác.

Họ tín ngưỡng tôn giáo nhất định được lên thiên đường. Họ niệm Phật thì nhất định được vãng sanh thế giới Cực Lạc. Nếu lâm chung có điều bất bình, nếu có oán hận. Như vậy chắc chắn sẽ bị đọa vào ba đường ác. Nên việc làm của trung tâm này là việc làm của Bồ Tát. Đồng nghĩa với việc đem một người già từ ác đạo đưa đến thiên đường, từ ác đạo đưa đến thế giới Cực Lạc. Quý vị nghĩ xem sự nghiệp này vĩ đại biết bao, thù thắng biết bao. Nên đây là bổ thí vô úy.

Giới có luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới, và nhiều ích hữu tình giới. Ở trước chúng ta đã học qua. Luật nghi giới là tự thiện. Trong nhà Phật nói thiện căn phước đức nhân duyên. Thiện căn chúng ta từ đâu mà có? Thiện căn được trồng từ luật nghi giới. Luật nghi giới nhất định bắt đầu từ Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên. Giới luật của chúng ta ngày nay là hữu danh vô thực. Nguyên nhân vì đâu? Bởi chúng ta đã mất gốc. Tuyệt đối không nên có phân biệt chấp trước. Đệ Tử Quy là của Nho giáo không phải của Phật giáo. Cảm Ứng Thiên là của Đạo giáo không phải của Phật giáo. Chúng ta phân biệt chấp trước như vậy là sai lầm, là hoàn toàn không hiểu Phật pháp đại thừa. Thật sự thông đạt và hiểu về đại thừa, vậy đại thừa đã nói như thế nào? Biến pháp giới hư không giới là một thể trong một sinh mạng. Là tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Từ thể mà nói thì gọi là Phật. Phật tánh. Pháp tánh đều là từ thể mà nói, nên kinh đại thừa nói “tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Chúng ta muốn hỏi, Khổng Tử có phải là Phật không? Lão Tử là Phật ư? Phải, sao lại không phải. Tất cả chúng sanh đều là Phật. Không thể nói Khổng Tử và Lão Tử là ngoại lệ. Họ ứng hoá tại Trung Quốc. Nếu có chúng sanh đáng dùng thân thánh hiền để được độ thoát, thì hiện thân thánh hiền mà vì họ thuyết. Vấn đề này

không phải đã giải quyết rồi sao! Ở Ấn Độ, nếu có chúng sanh đáng dùng Phật Bồ Tát để được độ thoát, liền hiện thân Phật Bồ Tát mà vì họ thuyết pháp.

Phật không có thân tướng nhất định nào. Phật không có danh hiệu, Phật không có nói pháp nhất định nào. Chúng ta phải thấu hiểu thông đạt những đạo lý này. Phải thật sự nhận biết Phật pháp mới có thể học Phật. Có phân biệt chấp trước vĩnh viễn không thể vào cửa Phật. Ở trước đã nói với quý vị về tông chỉ Kinh Kim Cang. Viễn ly tứ tướng chính là đã vào cửa Phật. Kinh văn trong Kinh Kim Cang nói rất hay: Tiểu thừa sơ quả Tu Đà Hoàn, Tu Đà Hoàn đã phá bốn tướng. Tu Đà Hoàn tự nói, nếu họ chưa phá bốn tướng thì Đức Thế Tôn không gọi họ là Tu Đà Hoàn. Bản thân Tu Đà Hoàn có thừa nhận phá bốn tướng hay không? Họ không có tâm này. Nếu họ có tâm, tôi đã phá tứ tướng, thì cái tôi đó vẫn chưa phá. Họ chấp trước vẫn có ngã, vẫn có nhân. Họ tuyệt không cho rằng mình đã phá bốn tướng, như vậy mới thật sự phá bốn tướng. Cần phải sự thật hiểu chân tướng này.

Nên luật nghi là tự mình tu thiện, chúng ta đều có thể làm được. Đệ Tử Quy thực hành được, Cảm Ứng Thiên thực hành được, Thập thiện nghiệp thực hành được. Sau đó là Tam quy ngũ giới, Sa di luật nghi, tất cả đều thực hành một cách rất tự nhiên và dễ dàng. Đây mới là đệ tử Phật chân chánh. Nhiếp thiện pháp tăng trưởng bồ đề. Nhiếp thiện pháp giới cũng chính là thập thiện pháp. Trong Giới luật không nói phải hành trì. Chỉ cần đối với chính mình thật sự có lợi ích. Đối với chính mình thân tâm an lạc mạnh khỏe, giúp mình đoạn ác tu thiện. Trong giới luật không nói cũng nên làm, đây là tăng trưởng bồ đề.

Thứ ba là nhiều ích hữu tình giới. Đối với tất cả chúng sanh được tốt, có lợi ích. Trong Kinh Phật cũng không nói, nhưng chúng ta gặp được có cần làm hay không? Cần làm. Tôi đưa ra một ví dụ. Có một lần tôi đến Bắc Kinh để phỏng vấn và ở tại khách sạn quốc tế. Tôi từ trên cầu thang đi xuống gặp một vị Phật tử người Mỹ. Ông họ Từ, là Hoa kiều, chúng tôi gặp nhau rất hoan hỷ. Ông ở Mã Lý Lan Châu thường đến Hoa phủ chúng tôi, lúc đó chưa gọi là Tịnh tông học hội, gọi là Hoa Phủ Phật giáo hội. Nên chúng tôi rất thân. Ông nói: ông rất hoan hỷ. Con trai ông hôm nay cưới vợ. Vợ là người Nhật Bản. Hôm nay có rất nhiều khách quý đến chúc mừng. Ông mời Trình Tư Viễn, là phó chủ tịch hội nghị hiệp thương chính trị, mời ông này làm người chứng hôn. Nên có thêm mấy vị bộ trưởng đến tham dự. Đại sứ Nhật Bản, còn có rất nhiều nhà xí nghiệp của Nhật Bản. Đây là một hôn lễ rất thù thắng. Cô dâu và chú rể đều là sinh viên trường đại học Bắc Kinh. Họ là bạn học với nhau. Ông ấy nhìn thấy tôi, cũng mời tôi đi, mời tôi đi làm người chứng hôn. Nên tôi đã ngồi vào bàn người chứng hôn. Tôi cùng ngồi với Trình Tư Viễn, một tăng một tục. Đây chính là nhiều ích hữu tình. Những vị quan lớn này bình thường không tiếp xúc đến Phật pháp. Họ thấy tôi hình như cảm thấy rất kỳ lạ. Người chứng hôn nhất định phải nói vài lời, nên tôi biết tôi có thể nói mười phút Phật pháp, đem Phật pháp giới thiệu với mọi người.

Cắt bỏ 0:44:04 Tôi đi bất ngờ nên không chuẩn bị cơm chay, tôi ăn rau trong thức ăn của họ, cũng cầm ly rượu kính ông ta. Ông ta nói Phật giáo sao lại tự tại như vậy? Tôi nói đúng vậy! Chẳng phải Phật giáo không được ăn thịt uống rượu sao? Tôi nói, đúng vậy. Không uống rượu, định nghĩa thật sự không uống rượu là không được uống say. Vì uống say sẽ loạn tánh. Một ly này của tôi không say được, tôi kính mọi người. Mười phút, buổi tiệc này khoảng một tiếng. Mọi người đều rất hoan hỷ, từ trước nay chưa từng nghe đến Phật pháp.

Trong trường hợp này chúng ta tham dự, thì đây là cơ hội độ chúng sanh, là để những người này trông thiện căn. Đây là nhiều ích hữu tình. Là biểu hiện rất từ bi của nhà Phật. Đây không phải phá trai, không phải phá giới. Nên trì giới nhất định phải biết tùy cơ ứng biến. Ở trong trường hợp nào nên dùng phương thức gì để biểu đạt, không phải vì tự lợi mà vì lợi tha. Đây là một ví dụ.

Tinh tấn cũng có ba. Ở trước chúng ta nhìn thấy áo giáp tinh tấn. Áo giáp tinh tấn là thiện căn phương tiện. Áo giáp là gì? Là giới luật. Một người trì giới, ở trong xã hội này sẽ không bị những gì bất lương của xã hội làm ô nhiễm. Trong suốt mấy mươi năm này của chúng tôi, đã hơn 50 năm. Tôi không xem ti vi, tin tức, tạp chí, báo. Cho đến những sách thông thường tôi cũng không xem. Trong Giới Kinh có quy định, trong mười giới Sa Di cũng có. Thiện căn để bảo hộ chính mình rất quan trọng. Chúng tôi thân cận đều là kinh điển, mỗi ngày không rời xa. Đôi khi có thiện pháp như sách của Nho giáo và sách của Đạo giáo, điển tịch của thánh hiền, sách của các tôn giáo khác. Đây là gì? Đây là nhiếp thiện pháp tinh tấn. Hy vọng chúng ta hiểu được tôn giáo mình, cũng hiểu các tôn giáo khác. Tìm cầu sự đoàn kết của tôn giáo. Tìm cầu hoá giải sự ngộ nhận giữa các tôn giáo, hỗ tương học tập, thì vấn đề này sẽ được giải quyết.

Lợi lạc hữu tình, là tu trì vô tận thiện căn. Nhiếp thiện là thiện căn viên mãn. Lợi lạc hữu tình là vô tận thiện căn. Đối với chúng sanh có lợi lạc, đối với chúng sanh có lợi ích.

Thực hành pháp bố thí, chúng tôi ấn tống Đại Tạng Kinh. Mục tiêu của chúng tôi là mười ngàn bộ. Mười ngàn bộ Đại Tạng Kinh đem tặng trên toàn thế giới. Hai năm nay nhà in ấn Thương Vụ tái bản Tứ Khố Toàn Thư, chúng tôi mua 100 bộ. Nhà sách Thế giới nói với tôi, họ muốn tái bản Tứ Khố Hội Yếu. Tôi đặt họ 200 bộ đem tặng trên toàn thế giới. Những lúc này tôi thường nghĩ đến cuốn Quân Thư Trị Yếu của Đường Thái Tông. Thật không ngờ có một vị đồng tu tìm được sách này và gửi cho tôi. Phân lượng của Tứ Khố Toàn Thư lớn như vậy, nên bắt đầu đọc từ đâu? Tôi suy nghĩ đã nhiều năm. Hy vọng đem những tinh hoa hay nhất từ trong Tứ Khố Toàn Thư trích dẫn ra và biên tập thành một cuốn sách. Xã hội hiện nay rất cần điều này. Đây là Giáo huấn của các bậc thánh hiền.

Đầu năm dân quốc, mười năm trước khi tôi ra đời. Các học giả, chuyên gia, chư vị đại đức đương thời cũng đang biên tập sách này. Đã biên tập xong. Dân quốc năm mười chín xuất bản, năm thứ mười sáu hoàn thành, là dân quốc năm thứ mười sáu. Năm dân quốc thứ 16 là năm tôi ra đời. Bộ sách này hoàn thành mất hết mười năm, cách bốn năm sau mới xuất bản, Khi xuất bản sách này tôi được bốn tuổi. Tôi tin rằng những cuốn sách này, số lượng ấn hành nhất định không nhiều, đại khái khoảng 1000 bộ.

Gần 100 năm, xã hội hiện nay rất động loạn. Sách này còn có thể tồn tại chăng? Biết có cuốn sách này nhưng chưa chắc đã tìm thấy. Không ngờ có người tìm được tặng cho tôi. Tôi thấy sách đã cũ rách nhưng không bị mất mát. Số trang hoàn chỉnh, chữ không bị mờ. Tôi cũng đưa cho nhà sách Thế Giới in mười ngàn bộ. Bộ sách này là gì? Bộ sách này là Tứ Khố Nhập Môn. Nếu muốn xem Tứ Khố Toàn Thư thì trước nên xem sách này. Bộ sách này là tinh hoa của kinh sử tử tập. Tất cả có tám cuốn. Tứ Khố Toàn Thư có 1500 cuốn bìa cứng, nhưng bộ này chỉ có tám cuốn. Sau khi xem bộ sách này, đối với Tứ Khố Toàn Thư sẽ có cảm tình, vì đã hiểu biết về nó. Sau đó muốn chuyên nghiên cứu về môn nào, chúng ta đều biết và sẽ tìm được. Đây là chiếc chìa khoá để phục hưng lại nền văn hoá truyền thống xưa.

Bộ Trị Yếu của Đường Thái Tông là bảo điển trị quốc. Làm sao để xã hội an định hoà bình. Làm sao để nhân dân có cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn. Tài liệu gốc của hai bộ sách này đều là Tứ Khố Toàn Thư. Bộ sách của Đường Thái Tông là chú trọng về mặt chính trị. Quốc Học Trị Yếu, trọng điểm của nó là trị học, chính là nghiêng về học vấn. Hai bộ sách này quá hay. Hai bộ sách này là để lớp trẻ trong thời hiện đại có đường để đi, không đến nỗi than mình sức yếu không làm được việc muốn làm. Thật có cửa có thể bước vào.

Bộ sách của Đường Thái Tông hôm qua tôi đã nhận được. In xong, gửi trước một bộ để tôi xem. Tôi xem thấy rất hoan hỷ. Quốc Học Trị Yếu khoảng cuối tháng tư có thể xuất bản. Đây là pháp bố thí, là lợi lạc hữu tình tinh tấn. Nhiếp thiện pháp chính là nhiếp thiện tinh tấn, lợi lạc hữu tình tinh tấn. Vừa rồi tôi chưa nói về nhẫn nhục, chúng ta tiếp tục bổ sung vấn đề này.

Nhẫn nhục cũng có ba loại. Thứ nhất là phải “nhẫn oán hại”. Oan gia muốn làm tổn hại mình, cũng phải nhẫn. Họ không vừa ý nên huỷ báng, huỷ nhục, đố kỵ chúng ta, nên họ làm nhiều việc để tổn hại. Chúng ta đều phải nhẫn nhục. Như trong kinh điển nói về Vua Ca Lợi cắt thân của Nhân nhục tiên, nhưng tiên nhân đều có thể nhẫn. Chẳng những không có chút oán hận nào, mà còn nói với Vua Ca Lợi, tương lai tôi thành Phật người đầu tiên tôi độ là ông. Nhẫn Nhục Tiên lúc đó chính là tiền thân của Đức Thế Tôn. Khi đức Thế Tôn chưa thành Phật, đang tu Bồ Tát hạnh, tu nhẫn nhục ba la mật.

Sau khi Đức Thế Tôn thành Phật, người đầu tiên được độ là tôn giả Kiều Trần Như. Kiều Trần Như chính là vua Ca Lợi lúc đó. Đức Thế Tôn nói lời đã giữ lời. Không

phải nói dối, không phải nói lời dễ nghe, ngài thật sự đã đến độ ông ấy. Đây là gì? Biết được tất cả chúng sanh với mình là nhất thể. Họ không thích tôi đó là ngộ nhận nhất thời, không nên tính toán. Vì họ chưa biết nhiều về tôi, chưa hiểu hết về tôi nên sinh ra ngộ nhận. Lạc mất tự tánh, nên con người xưa nay cứ ham danh lợi, bị dục vọng dẫn dắt.

Chúng ta tin rằng, họ đọc sách thánh hiền, họ có căn cơ. Tại sao còn làm những việc này? Điều này ngày xưa thầy Lý nói với tôi, nhìn thì thấu suốt nhưng không nhận được, nên mới làm những điều này. Lợi ích lớn như vậy để ngay trước mắt. Suốt đời nghèo khó, hiện nay trong chốc lát cho họ tài sản mấy ức. Tâm họ sẽ bị động. Trong hoàn cảnh đó không động tâm, như vậy là đã được định. Chưa được định làm sao không thể động tâm? Nên họ động tâm, họ thay đổi. Nếu đi theo con đường thế tục còn có thể tha thứ, không cần tính toán!

Chúng ta nên học Đức Thế Tôn, đến khi tôi thành Phật tôi sẽ trở lại độ họ. Vì họ có duyên với tôi. Nên trong thuận cảnh thiện duyên không sanh tham luyến, nghịch cảnh ác duyên không sân nhuế. Trong tất cả cảnh giới đều có thể giữ thanh tịnh bình đẳng giác của chính mình. Trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày duy trì thường tuý Phật học của mình. Câu này rất quan trọng, đây là nguyện thứ năm của Bồ Tát Phổ Hiền. Thường tuý Phật học chính là không rời kinh điển. Mỗi ngày rảnh rỗi đều thích đọc sách, thích nghe kinh, nuôi dưỡng thói quen này. Thói quen này cũng như mỗi ngày ăn cơm uống nước vậy. Mỗi ngày không thể chẳng ăn cơm, không thể chẳng uống nước. Mỗi ngày không thể chẳng đọc kinh Phật, không thể chẳng đọc sách thánh hiền. Như vậy mới thật sự có thể giữ được, không bị ảnh hưởng môi trường bên ngoài. Điều này không làm được thì chắc chắn bị môi trường ảnh hưởng. Chúng ta không khai ngộ, khi chưa khai ngộ nhất định phải hiểu một môn thâm nhập, chỉ học một thứ.

Quý vị nên xem người xưa. Trong Ảnh Trần Hồi Úc Lục của Đàm Hư Pháp Sư có ghi một câu chuyện có thật. Đàm Hư Pháp sư xuất gia khi tuổi trung niên. Khi chưa xuất gia, theo ba người bạn cùng nhau mở một tiệm thuốc bắc. Trong đó có người cư sĩ họ Lưu, về sau cũng xuất gia. Ông Lưu học Phật là thâm nhập một môn và huân tu lâu ngày. Ông ta đọc kinh Lăng Nghiêm, chỉ một bộ kinh này. Đọc được bao nhiêu năm? Đọc được tám năm, tám năm ròng rã đọc Lăng Nghiêm. Thâm nhập một môn, ông là cư sĩ tại gia.

Một hôm buổi trưa ít khách, nên đã ngủ gục trên quầy. Giờ nghỉ trưa ông ta ngủ gục trên quầy và nằm mộng. Giác mộng này hình như là thật. Trong mộng nhìn thấy hai người đi vào tiệm. Hai người này quen, là bạn. Ngày trước vì vấn đề tiền bạc mà kiện cáo ra pháp đình. Hai người này thua kiện nên thất cổ tự vẫn. Nên khi thấy hai người này đến trong lòng rất sợ hãi, có phải là đến trả thù không? Rốt cuộc thấy hai người này đến, thái độ rất hoà nhã không có gì hung ác cả. Đi đến trước mặt ông ta liền quỳ xuống.

Ông Lưu hỏi, các ông đến làm gì? Họ nói, tôi cầu siêu độ. Lúc này tâm ông đã định lại, họ đến để cầu siêu độ. Ông ta cũng rất hối hận, vì dính dáng đến tiền bạc mà khiến hai người họ tự tử, cũng rất đau khổ nên hỏi họ. Các ông muốn tôi siêu độ như thế nào? Họ nói, chỉ cần ông đồng ý là được. Ông ta nói được, tôi đồng ý với quý vị. Hai linh hồn này, bước lên đầu gối ông ta, rồi bước lên trên vai và bay lên trời.

Sau khi hai linh hồn này lên trời, lại có hai người nữa đến. Một phụ nữ dẫn theo một đứa trẻ, nhìn lại thì ra vợ trước của ông dẫn theo đứa con. Họ cũng đã chết. Gặp lại ông liền hỏi, hai người đến làm gì? Cũng là đến cầu siêu độ. Phương pháp giống nhau, chỉ cần ông đồng ý. Được, ông nhận lời. Nhìn thấy hai người này cũng bước lên trên đầu gối rồi bước lên vai và bay lên trời. Ông ta dựa vào năng lực gì để siêu độ người khác? Tám năm ròng đọc Lăng Nghiêm. Thâm nhập một môn huân tu lâu dài, quý thân biết ông có bản lĩnh này nên tìm đến cầu xin ông siêu độ. Nếu không thì họ đến tìm làm gì. Vì sao? Bởi tìm cũng vô ích thôi. Điều này chúng ta có thể chứng nghiệm được, tu hành thuần thực một môn công đức lớn biết bao.

Bao nhiêu người xem kinh, nghiên cứu kinh Phật. Nhưng chủng loại rất nhiều, xem rất phức tạp. Xem mấy mươi năm cũng không có công lực này, quý thân không tìm họ. Thâm nhập một môn, quý thân sẽ tìm đến mong giúp họ siêu độ.

Tôi có biết một người, hiện nay người này vẫn còn sống, cũng là mười năm chuyên tu một bộ kinh. Thường có linh hồn tìm ông nhờ siêu độ. Ông siêu độ rất đơn giản, không cần phải tổ chức pháp hội. Có khi niệm danh hiệu Phật, có khi đọc một đoạn kinh để đưa họ đi. Thiện căn sâu dày, sẽ có năng lực đưa họ đến thế giới Cực Lạc. Như vậy mới biết, chuyên tu một môn có sức mạnh lớn như vậy. Nên một môn là chuyên tâm, nhiều môn là tán tâm. Tán tâm muốn thành tựu rất khó!

Đây là đối với oán thân trái chủ. Đệ tử nhà Phật không bỏ một ai. Một ai ở đây không có chú thích ở dưới là trừ những oán thân trái chủ ra, ngài không nói. Không bỏ một ai, chính là oán thân trái chủ đều bình đẳng như nhau. Chỉ cần có duyên thì tự họ sẽ đến tìm, thì phải giúp đỡ họ. Nếu không có năng lực họ sẽ không xuất hiện. Có năng lực họ xuất hiện, chính là đến nhờ giúp họ siêu độ. Chúng ta chỉ cần thành tâm thành kính nhận lời họ. Công đức tu và đạo lực của ta có thể giúp cho họ được siêu sanh.

Loại thứ hai là an thọ khổ, điều này cũng trong nhẫn nhục. Đây là gì? Trong cuộc sống hằng ngày tất cả đều phải nhẫn chịu. Không bị hoàn cảnh ác liệt làm dao động. Ngày xưa người tu hành đa số ở trong núi rừng, vì cảnh thanh tịnh. Đối với những thôn làng lân cận, ít nhất cách nhau đến 30 dặm, nghĩa là khoảng cách khoảng 2 km. Như vậy khi cần mọi thứ cũng rất dễ dàng, nhưng ở đó rất thanh tịnh không có ai làm phiền. Đôi khi trong cuộc sống có thiếu thốn cũng phải nhẫn nại. Có thể chịu nóng, có thể chịu đói, không sợ lạnh nóng. Một lòng hướng đạo. Không quan tâm điều gì và cũng không sợ gì cả. Chỉ cần một bộ kinh Vô Lượng Thọ và một câu Phật hiệu, mỗi niệm cầu sanh

tịnh độ. Thân thể này đã buông xả, giao thân này cho Phật A Di Đà, Phật A Di Đà sẽ chăm sóc. Nếu thọ mạng đến, Ngài sẽ tiếp dẫn về tây phương Cực Lạc. Còn như thọ mạng chưa đến, Phật A Di Đà sẽ quan tâm đến sinh hoạt của chúng ta. Nhưng cuộc sống chúng ta không phải giàu có, mà rất thanh bần, chắc chắn sống được. Cuộc sống thanh bần tiêu nghiệp chướng và tăng phước huệ.

Trong Hoàng Nhất Đại Sư Giảng Diễn Tập, có một bài đặc biệt nói với chúng ta về sự tiết kiệm của Đức Thế Tôn, khuyên chúng ta nên học tập. Lãng phí là tổn phước báo, không phải tiêu nghiệp chướng. Phước báo tối rồi thì tội nghiệp tăng trưởng. Tiết kiệm là tiêu nghiệp chướng, tăng phước đức. Trong cuộc sống hằng ngày cái gì tiết kiệm được thì nên tiết kiệm, không nên lãng phí.

Nên nhớ rằng giới khoa học cảnh cáo chúng ta, địa cầu này trong tương lai không xa, sẽ có nguy cơ về lương thực, nguy cơ về nguồn năng lượng, nguy cơ về nguồn nước. Những thứ này đều trực tiếp ảnh hưởng đến cuộc sống của chúng ta. Nếu chúng ta tiết kiệm, quen sống cực khổ. Khi khổ nạn này đến, chúng ta không cảm thấy quá khổ. Bình thường sống quá thoải mái quá sung túc, một khi gặp thiên tai liền cảm thấy rất đau khổ.

Chúng ta nghĩ đến tăng đoàn khi Đức Thế Tôn còn tại thế. Ngày ăn một bữa đêm nghỉ dưới gốc cây. Ngày hôm nay đi khát thực, khát thực không được cũng không sao. Ngày đó vẫn tinh tấn tu tập thiền định. Hai ngày khát thực không được cũng không chẳng lo, uống miếng nước trong hồ là được rồi. Không như hiện nay. Hiện nay người đô thị thật như cỏ nhân nói được nuông chiều từ bé. Để họ ở ngoài đồng, để trên mảnh đất tự nhiên họ sẽ không sống nổi.

Vấn đề hiện nay thực sự nghiêm trọng hơn ngày xưa rất nhiều. Tôi nhớ lúc nhỏ, khoảng sáu bảy tuổi. Khi bọn trẻ ở nông thôn chơi đùa, nước trong ruộng lúa có thể uống, rất sạch sẽ. Lấy tay vọc lên là có thể uống. Còn có rất nhiều lá cây có thể ăn. Người nông thôn không có gì ăn, nên hái lá cây, hái hoa. Hoa cũng có thể ăn. Bây giờ phiền phức, bây giờ đất đai đã bị nhiễm độc. Thuốc và phân bón, nước thải của công nghiệp. Nguồn nước nhiễm ô, đất đai nhiễm ô. Cho nên không dám ăn, rau dại cỏ dại dám ăn không? Chúng tôi lúc nhỏ dám ăn, nhỏ cỏ lên ăn rễ cây cỏ. Rễ cỏ có hương vị rất ngọt. Hiện nay toàn bộ thế giới đã thay đổi.

Trong thời đại này, mình càng phải nên coi trọng đức hạnh của mình. Đi con đường của Phật Bồ Tát, đi con đường của các bậc thánh hiền chắc chắn an toàn, không có sai lầm. An toàn đối với cảnh khổ nạn. Không có thiên tai, thường nghĩ rằng khi có thiên tai, tôi phải làm sao, phải chuẩn bị tâm lý. Để khi thiên tai đến không bị sợ hãi, không khiếp sợ.

Thứ ba là tu hành Phật pháp. Tu hành Phật pháp cần thời gian rất dài. Nếu không có nhẫn nhục sẽ tu không thành. Ví dụ như một môn thâm nhập huân tu lâu dài. Không

có sức nhẫn nhục có thể làm được chăng? Trong Ảnh Trần Hồi Úc Lục nói về ông Lưu, một bộ kinh Lăng Nghiêm đọc suốt tám năm. Người không có tâm lâu dài, không có kiên trì không làm được! Phân lượng kinh Lăng Nghiêm rất dài, gần tương đương với kinh Pháp Hoa. Một ngày chỉ có thể đọc một bộ. Mới đọc chưa thuần thục cũng cần khoảng bảy đến tám tiếng. Đọc thuần thục rồi, một biến cũng phải cần bốn tiếng. Nếu không kiên trì không làm được điều này. Đây chính là nhẫn nhục.

Không riêng đọc kinh mà niệm Phật cũng như vậy. Câu Phật hiệu này nhìn thì rất dễ, rất đơn giản. Nhưng “đô nhiếp lục căn tịnh niệm tương tục”, chúng ta có thể làm được chăng? Làm được đó là người niệm Phật chân chánh, họ thật có cảm ứng. Đô nhiếp lục căn nói một cách đơn giản là buông bỏ phân biệt chấp trước đối với tất cả pháp trong thế xuất thế gian. Đó chính là đô nhiếp lục căn. Đối với câu Phật hiệu này không hoài nghi không xen tạp. Khi niệm Phật không có tạp niệm. “Nhất thanh Phật hiệu nhất thanh tâm, thanh thanh Phật hiệu thanh thanh tâm”. Tâm và khẩu là một không phải hai. Cách niệm này cổ nhân gọi là, tâm và tâm tương ưng. Một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật. Ta với Phật cảm ứng đạo giao.

Niệm được tám, mười năm, sẽ đạt được niệm Phật tam muội. Được niệm Phật tam muội sẽ có oán thân trái chủ đến nhờ siêu độ. Chỉ cần một cái gạt đầu họ liền được siêu sanh. Vì sao? Vì ta thật có năng lực, thật có công đức. Họ được ta gia trì, và được vãng sanh

Pháp thứ năm của lục độ là “thiền định”. Thiền định cũng có ba nghĩa. Thứ nhất là “an trú”. Thiền định là điểm tu hành then chốt của Bồ Tát. Vì sao? Bởi sau khi được định thì khai mở trí tuệ và sẽ khai ngộ. Bát nhã là khai ngộ. Các pháp trước đều là giúp ta đạt định. Bồ thí là buông bỏ phiền não, buông bỏ tập khí. Trì giới là tu thiện căn cho chính mình. Nhẫn nhục là thành tựu thiện căn. Sau khi tu thiện căn thì phải nương vào nhẫn nhục để thành tựu. Không nhẫn được thì coi như mất hết tất cả. Trong Phật pháp nói là một đống lửa sân đốt cháy cả rừng công đức. Công đức mà ta tu tập tích lũy được, một khi sân giận thì công đức đó không còn nữa, đốt cháy sạch hết. Công đức không dễ tu. Nên thông thường người tu là phước đức chứ làm gì có công đức!

Công đức mới có thể liễu sanh thoát tử, phước đức thì không được. Công đức có thể giúp ta được định, nghĩa là an trú. Bất luận làm gì, ví dụ như ta phát tâm chuyên tu một bộ kinh trong mười năm, đây là định. Nếu không có định lực sẽ không làm được. Niệm Phật có người năm ba liền được vãng sanh, đó là nhờ định lực. Không có định lực khi niệm Phật sẽ suy nghĩ lung tung, những chuyện vướng mắc trong lòng quá nhiều. Đó là chướng ngại nghiêm trọng mà ta chưa buông bỏ được. Thật sự buông bỏ là vạn sự tùy duyên. Có thì rất tốt, không có cũng tốt, không để trong lòng. Trong tâm chỉ có Phật, chỉ có một câu Phật hiệu. Bất luận làm gì cũng không trở ngại. Pháp môn niệm Phật thù thắng ở chỗ này. Bất luận làm gì tâm cũng đều thanh tịnh. Chuyên tâm làm

việc, trong lòng chỉ có một câu Phật hiệu. Ngoài câu Phật hiệu này ra không quan tâm điều gì cả. Điều này có ví dụ nào không? Ví dụ rất nhiều. Quan sát tường tận sẽ biết.

Đàm Hư pháp sư kể chuyện về Tu Vô pháp sư. Câu chuyện này phát sanh ở Hắc Long Giang, tại Chùa Cực Lạc Cáp Nhĩ Tân. Khi Chùa Cực Lạc xây dựng xong, lúc đó Đàm Hư pháp sư còn rất trẻ, khoảng bốn mấy tuổi. Ngài là đệ tử của Hoà Thượng Đế Nhân, mời hoà thượng đến chùa làm lễ khai quang. Tổ chức đại giới đàn truyền thọ tam đàn đại giới. Trong thời kỳ tổ chức giới đàn rất cần người giúp đỡ công việc, đúng lúc Tu Vô pháp sư đến. Đến xem có việc gì làm không, làm công quả. Tu Vô pháp sư xuất gia, nhưng không biết chữ, nên cũng không nghe kinh giáo. Thời đó giảng kinh rất ít. Cả nước không đến mười vị pháp sư biết giảng kinh, đất nước Trung quốc lớn như vậy, nên cơ duyên nghe pháp rất khó.

Suốt đời xuất gia của Pháp Sư ở trong chúng thường làm những việc nặng nhọc. Ngài tu nhẫn nhục ba la mật. Người khác không chịu, không muốn làm việc nặng thì ngài làm. Phương pháp tu hành của ngài chính là một câu danh hiệu Phật. Thật vậy ngoài câu Phật hiệu ra ngài không có gì cả. Những gì tôi vừa nói ngài đều làm được. Ngài vãng sanh rất tự tại, rất tiêu sái, biết trước giờ đi. Ngài vãng sanh ngay trong thời gian mở đại giới đàn, trong thời kỳ chuẩn bị cho đại giới. Giới tử còn chưa đến tập trung, thì ngài đã xin phép Đàm Hư pháp sư cho nghỉ. Pháp sư rất kinh ngạc, nhưng là người có tu hành nên Đàm Hư pháp sư không trách cứ gì. Thích thì đến giúp, có việc phải đi cũng không sao. Thầy tri sự là Định Tây pháp sư, không có tu như hoà thượng nên gọi ngài lại trách mắng. Giới đàn chỉ có hai tháng, ông nhẫn nại hai tháng cũng không được ư? Cuối cùng Tu Vô pháp sư nói, tôi không phải xin đến nơi khác, tôi sắp bỏ thân này rồi. Hại vị pháp sư này vừa nghe thì ngậy người ra. Nhưng đây không phải nói đùa.

Vãng sanh đến thế giới Cực Lạc là việc tốt, đạo tràng xuất hiện một vị Phật. Hỏi thầy khi nào? Không quá mười ngày. Quý vị xem thông tin ngài vãng sanh đã biết được rồi. Đến ngày thứ hai lại tìm đến Định Tây pháp sư, gặp Định Tây pháp sư ngài nói gì? Ngày mai tôi sẽ đi, mau chuẩn bị hậu sự cho tôi. Đến ngày thứ hai ngài thật sự đi, không hề bị bệnh. Khi khai giới đàn, hoà thượng Đế Nhân đến, biết được chuyện này ngài rất tán thán. Ai có được năng lực này nói đi là đi? Khi ngài đi cũng để lại cho mọi người câu nói, mọi người nói ngài làm vài bài kệ, vài bài thơ lưu lại cho hậu thế làm kỷ niệm. Ngài nói tôi là người xuất thân thô tục không biết chữ. Tôi cũng không biết làm thơ, cũng không biết làm bài kệ, nhưng tôi có một câu nói với mọi người để làm kỷ niệm cũng được: “Nói được không làm được, không phải trí tuệ chân thật”, để lại chỉ một câu này.

Nói rất hay nhưng chính mình không làm được, đây không phải là thật mà là giả. Câu này được bao người phản tỉnh. Ngài thật đã tu thành công. Ngài không tu gì khác,

chính là nhần nhục ba la mật. Ngài có thể nhần, nhần một cách hoan hỷ không hề chối từ bất cứ điều gì. Công việc nặng nhọc thô thiển trong đạo tràng ngài làm hết. Không một lời oán thán hay hối hận. Lần cuối cùng ngài biểu diễn cho mọi người xem, chẳng ai không bội phục, chẳng ai không tán thán. Đàm Hư pháp sư đem câu chuyện này viết trong Ảnh Trần Hồi Úc Lục. Lưu lại tiếng thơm cho muôn đời, để cho hậu thế đều biết đến ngài, đều nên học tập ngài. Nhất định không nên tham muốn hưởng thụ, không nên tham muốn hưởng an nhàn.

Trong Giới Kinh nói, Tỳ kheo thường mang ba phần bệnh. Bệnh đó không phải thật là đau bệnh, mà bệnh đó là bệnh khổ. Chính là trong sinh hoạt hằng ngày, ít nhất phải có ba phần khổ để cảnh tỉnh mình. Điều này chính là ngày nay nói ý thức lo lắng về được mất, chẳng thể không có. Hằng ngày chỉ biết đến hưởng thụ, khi thiên tai đến phải làm thế nào? Khi an nhàn phải nên nghĩ đến lúc đau khổ. Đây gọi là thường mang ba phần khổ. Con người sống trên thế gian nên như thế. Người thống trị quốc gia cũng không ngoại lệ. Khi thiên hạ thái bình an định phải nghĩ đến lúc bị thiên tai, phải nghĩ đến chiến tranh không nên sơ suất coi thường. Nên khai sáng sự nghiệp khó khăn, mà giữ nó càng khó hơn. Thành quả khai sáng sự nghiệp ta có thể giữ được chăng? Sự nghiệp này có thể truyền mãi về sau chăng? Không phải là việc dễ dàng.

Ngày nay chúng ta được một điều là khoa học kỹ thuật phát triển, thù thắng hơn nhiều so với thời thời đại của pháp sư Đàm Hư. Pháp sư Đàm Hư lúc về già ở HongKong, viên tịch ở HongKong. Ngài thường giảng kinh, thính chúng trên dưới 100 người. Người HongKong bận kiếm tiền, nên rất ít nghe kinh. Thời gian tôi giảng kinh ở HongKong rất dài, nên tôi hiểu môi trường ở đó. Người HongKong nghe kinh rất kén chọn, nếu nói không hay họ không đến nghe. Không đến nghe thì thôi, đằng này còn gây phiền phức. Sau khi giảng xong đưa ra vài vấn đề để hỏi, nếu trả lời không được họ làm mất mặt giữa đại chúng. Môi trường ở đó là như vậy. Tôi vốn cũng không biết trước, biết rồi chắc không dám đến HongKong.

Sau khi đến HongKong, pháp sư Sướng Hoài nói với tôi về cảnh giảng kinh của Phật giáo HongKong và cảnh báo trước với tôi. Lúc tôi đến HongKong giảng kinh là 50 tuổi, năm 1977. Chúng tôi từ Đài Loan qua đó. Ông nói, pháp sư ông được coi là lớp trẻ, cũng chưa nổi tiếng, ít người biết đến. Thính chúng ở đây có một số người rất phiền phức, ông nên cẩn thận. Những người này đều là phần tử tri thức, có nghiên cứu Phật giáo, không phải người ngoài vào. Tôi đến giảng kinh Lăng Nghiêm. Đây là một bộ kinh lớn, cũng là bộ kinh mọi người rất thích. Lúc đó HongKong còn có một vị Thủ Lăng Nghiêm Vương là Nhân Hải pháp sư, hơn 90 tuổi. Tôi đến gặp ngài một lần, hình như hai năm sau ngài viên tịch. Suốt đời ngài chuyên nghiên cứu Lăng Nghiêm, chuyên giảng Lăng Nghiêm. Là chuyên gia về kinh Lăng Nghiêm, vậy mà tôi đến đó giảng Kinh Lăng Nghiêm.

Vị hoà thượng này chỉ có 6 người đệ tử theo học. Sáu người đệ tử này rất giỏi. Tiêu chuẩn mà hoà thượng thu nhận đệ tử là phải thuộc kinh Lăng Nghiêm. Chẳng những thuộc kinh văn mà còn phải thuộc chú giải. Ngài chọn chú giải cũng rất kỳ lạ, ngài chọn Lăng Nghiêm Kinh Văn Cú của Ngẫu Ích đại sư. Cả kinh văn và chú giải đều phải thuộc. Không thuộc ngài sẽ không nhận, nên đệ tử của ngài chỉ có 6 người. Thật là bậc cửa quá cao! Đây là một vị thầy tốt. Thật là thầy hay trò giỏi.

Trong số đệ tử của Hoà thượng, có ba người tôi quen. Cũng may lần đó là lần đầu tiên tôi rời Đài Loan, coi như là giảng kinh ở nước ngoài. Giảng đến bốn tháng vẫn chưa gặp phải khó khăn. Những người này cũng thường đến nghe tôi giảng kinh, nhưng không gây phiền phức. Không những thế còn mời tôi ăn cơm, mọi người đàm luận mấy vấn đề trong kinh Lăng Nghiêm. Thật không đơn giản. Gặp phải tình trạng này giảng kinh thật không dễ! Tôi tin rằng có người thích hỏi khó như vậy, chắc chắn sẽ thường gặp. Nếu tự mình chưa thuần thục về kinh giáo, không có công phu học tập thật sự, sẽ không dễ đối phó. Cho nên đầu tiên là phải thâm nhập một môn huân tu lâu dài, nên đem toàn tâm toàn ý an trú trong đó.

Thứ hai có nghĩa là “dẫn phát”. Những gì chúng ta nghĩ đều có thể mãn nguyện. Đây là gì? Cảm ứng của thiên định. Chỉ cần tâm thanh tịnh, thanh tịnh thì những gì ta nghĩ đến thật sự có cầu tất ứng, người thường cầu nguyện khó hiện thực. Như vậy là sao? Bởi tâm tư họ tán loạn. Tâm tán loạn rất khó có cảm ứng, tâm chuyên nhất mới thường có cảm ứng, rất ít khi không có cảm ứng.

Thứ ba là “biện sự”. Biện sự ở đây trong kinh Di Giáo Đức Thế Tôn nói: “ché tâm nhất xứ vô sự bất biện”. Ché tâm một chỗ là thiên định. Ở trước chúng ta học là chỉ tâm nhất xứ, nhưng cùng một ý nghĩa. Ché tâm một chỗ xử lý vấn đề rất dễ, vì tâm của mình không tạp không loạn. Thiên định ứng dụng vào trong công việc, ứng dụng trong sự vật hằng ngày, rất có kết quả. Thiên định không phải là ngồi xếp bằng xoay mặt vào trong vách. Xếp bằng xoay mặt vào vách như vậy nó không khởi tác dụng. Trong kinh giáo đại thừa nói: “na già thường tại định, vô hữu bất định thời”. Đi đứng ngồi nằm đều ở trong định. Mặc áo ấm cơm, đối nhân tiếp vật đều ở trong định.

Cuối cùng là Bát Nhã-Trí tuệ. Trí tuệ cũng có ba loại. Thứ nhất là “gia hạnh”. Giúp ta thâm nhập vào cảnh giới, nâng cao cảnh giới của chúng ta. Thứ hai là “Căn bản trí”. Căn bản trí là vô tri. Bát nhã vô tri đó là căn bản trí. Hậu đắc trí là căn bản trí khởi tác dụng, vô sở bất tri. Bát nhã vô tri vô sở bất tri. Chúng ta nên tu bằng cách nào? Tu căn bản trí trước, không thể tu hậu đắc trí trước. Tu hậu đắc trí trước sẽ không có nền tảng, như vậy hậu đắc trí đó là giả không phải thật. Học rộng hiểu nhiều là hậu đắc trí. Chúng ta học một đời, học mấy chục bộ kinh. Học một hai trăm bộ kinh, thông tông thông giáo. Nên biết rằng ta học đây là tri thức. Ta không có trí tuệ, không có định lực, không có lòng nhẫn nại.

Trong cuộc sống hằng ngày, gặp việc không vừa ý thường hay nổi giận. Điều này chứng tỏ ta không có căn bản trí. Căn bản trí chính là một môn thâm nhập huân tu lâu dài. Chân thật trí tuệ không khởi tác dụng. Quý vị thử nghĩ, giống như Đàm Hư pháp sư nói về ông Lưu, tám năm ròng rã đọc kinh Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm trong Phật giáo gọi là Lăng Nghiêm khai trí tuệ, Pháp Hoa thành Phật. Những điều này đệ tử Phật đều biết. Ông chuyên đọc một bộ Lăng Nghiêm suốt tám năm. Ông có năng lực gì siêu độ những linh hồn này? Căn bản trí. Khi nó khởi tác dụng chính là hậu đắc trí. Hậu đắc trí là vô sở bất trí. Phải có căn bản trí trước, sau đó mới cầu hậu đắc trí.

Điều này chính là nói, chúng ta khai ngộ một pháp môn, sau đó mới học các pháp môn khác, các kinh điển khác. Đây gọi là học rộng hiểu nhiều, rất dễ dàng, vừa tiếp xúc là thấu suốt là thông đạt. Giống như Huệ Năng đại sư vậy. Căn bản trí là khai ngộ. Tam muội đã thuần thực, liền đại triệt đại ngộ. Tất cả kinh giáo, các pháp trong thế xuất thế gian vừa tiếp xúc liền thông đạt, vừa tiếp xúc liền thấu triệt. Đây gọi là hậu đắc trí. Nên khai trí tuệ, phải hiểu được phương pháp khai trí tuệ, phải hiểu con đường khai trí tuệ. Đó chính là tam học giới định tuệ.

Nên cấm rễ từ trong giới luật. Trông thiện căn, thiện căn sâu dày. Thiện căn sâu dày là từ trong giới luật mà có. Nhân giới được định. Định chính là thiền định, chính là tam muội. Định này đến một trình độ nhất định sẽ hoá nhiên đại ngộ. Đây chính là hậu đắc trí. Căn bản trí dẫn phát Phật pháp. Trong một bộ kinh chúng ta được căn bản trí, thấy tất cả pháp, nghe tất cả pháp, vừa nghe là thấu triệt. Đây là dẫn, dẫn Phật pháp của ta. Hậu đắc trí thật sự giúp chánh pháp cửu trú. Giúp tất cả chúng sanh học Phật. Chúng ta có năng lực giáo hoá chúng sanh. Chúng ta giáo hoá chúng sanh với Chư Phật Bồ Tát không có gì khác nhau. Cho dù không thể đại triệt đại ngộ, cũng đến giai đoạn đại ngộ.

Ngày xưa thầy Lý dạy tôi, học Phật cần phải phát đại bồ đề tâm. Tâm địa nhỏ không được, phải phát đại tâm. Tu học phải đem mục tiêu đặt vào trong giáo lý. Vì sao? Khi đã thông giáo lý thì tất cả pháp đều thông. Nhưng đây không phải là người thường làm được, mà là bậc thượng thượng căn. Thông lý chính là kiến tánh. Người thường là thượng trung hạ căn. Bậc trung và thượng căn, bắt buộc dĩ phải yêu cầu là thông giáo nghĩa. Nghĩa là thông một bộ phận, ví dụ như Tịnh độ tông, tông phái này tôi đã thông nhưng các tông khác vẫn chưa được. Đây là giáo nghĩa. Nếu nói học một bộ kinh chỉ hiểu một bộ kinh, đây là bậc hạ hạ căn. Đối với bộ kinh này thì không sao, nhưng đối bộ kinh khác thì không hiểu. Người này rất khó dạy. Thầy Lý giảng đạo lý này cho tôi. Tôi hiểu, tôi không phải là bậc thượng thượng căn. Mục tiêu của tôi là giữ vững giáo nghĩa.

Tôi học bộ kinh này, thì những kinh điển liên quan đến bộ kinh này tôi học rất dễ. Còn những phương pháp không liên quan đến bộ kinh này, tôi học rất khó khăn. Ở đây nói lên điều gì? Không phải bậc thượng thượng căn, nên biết căn tánh của mình để chọn

pháp môn. Y theo pháp môn mà tu học, có thể nâng cao cảnh giới của mình lên đến hàng thượng thượng căn. Nên kiến lập Phật sự. Phật sự là chánh pháp cứu trú, hoằng pháp lợi sanh.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 302

Cắt bỏ từ phút 0:44:04 đến phút 0:44:50